

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10-5-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 548/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị B, sinh năm 1995;

Cư trú tại: Tổ 5, ấp A, xã TB, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1967;

Cư trú tại: Tổ 5, ấp A, xã TB, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vào năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2019

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do làm kinh tế thất bại, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L;

- Về con chung: Chị và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 14/12/2015, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu K sống cùng với chị. Nay chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi;

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Lương Thị B, bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn L;

Về con chung: Giao chị Lương Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 14/12/2015. Buộc anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị B không yêu cầu Tòa án giải Quyết;

Về án phí: Chị Lương Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân; anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 31/3/2021 chị Lương Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lương Thị B. Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào

khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L.

[2] Về hôn nhân: Chị Lương Thị B, anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh L, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên qua thu thập chứng cứ thể hiện quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị B thường xuyên cự cãi với nhau, đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị B và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị B với anh Nguyễn Văn L là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B, anh L có một con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 14/12/2015, chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu K sống cùng với chị B, do đó cần giao chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Hiện nay chị B đi làm thuê, thu nhập không ổn định, mặt khác để cháu K được đảm bảo nuôi dưỡng, đáp ứng các điều kiện vật chất tối thiểu để phát triển B thường. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/5/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị B không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lương Thị B và anh Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao chị Lương Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 14/12/2015. Buộc anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/5/2021 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Mỹ K đủ 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Lương Thị B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Nguyễn Văn L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lương Thị B cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn L còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004754 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Lương Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Chị Lương Thị B, anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Na

